

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Số: 310 /BC-SNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO
TỔNG KẾT NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2019,
TRIỂN KHAI SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020
VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2020

CHI CỤC PTNT QUẢNG TRỊ

Số: 1586

ĐẾN Ngày: 10/12/2019

Chuyên: Đào tạo

Lưu hồ sơ số: Cao Phú

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2019

1. Tình hình chung:

Năm 2019, sản xuất nông nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức về thiên tai và dịch bệnh: Đầu vụ Đông Xuân do ảnh hưởng của đợt mưa rét vào thời điểm xuống vụ đã làm hơn 1.000 ha lúa bị ngập úng, hư hại phải gieo cấy lại; Vụ Hè Thu 2019, đầu vụ tình trạng nắng nóng với nhiệt độ cao, cùng với gió Tây Nam thổi mạnh kéo dài nhiều ngày, gây khô hạn nặng làm ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của hơn 10.000 ha cây trồng các loại, trong đó có trên 7.600 ha lúa; 1.144 ha hồ tiêu bị khô, vàng lá) và 1.743 ha diện tích cây trồng cạn (ngô, lạc, rau...) bị thiệt hại từ 30 - 70% năng suất. Đặc biệt, cuối vụ Hè Thu 2019, do ảnh hưởng của bão số 4 (Podul) gây mưa lớn trên diện rộng từ ngày 28/8 - 4/9/2019 đã làm đổ ngã và ngập úng gần 2.354 ha đang chuẩn bị thu hoạch, trong đó có khoảng 1.461 ha đã bị nảy mầm trên ruộng. Dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên toàn tỉnh với hơn 55.000 con lợn các loại bị bệnh chết và tiêu hủy, các dịch bệnh tôm nuôi đã xảy ra ở một số địa phương đã gây ra nhiều thiệt hại trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị các cấp, sự chỉ đạo, hỗ trợ của các cơ quan chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh trong việc quản lý, chỉ đạo, đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều Đề án, Phương án, Kế hoạch, Công văn kịp thời, sát đúng với tình hình sản xuất; đồng thời phối hợp hiệu quả với các đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã, mời gọi các Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các HTX sản xuất nông nghiệp và bà con nông dân để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất theo chuỗi giá trị thông qua các mô hình liên kết, xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN để sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sạch và thân thiện với môi trường.

Kết quả sản xuất năm 2019 của toàn ngành đạt được nhiều thành tựu quan trọng, 8/8 chỉ tiêu thuộc ngành gồm 03 chỉ tiêu đạt và 05 chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra; năng suất, chất lượng, giá trị các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh không ngừng tăng lên, cụ thể như sau:

KH đề ra (KH: 4-4,5%)¹.

- Sản lượng lương thực ước đạt 286.000 tấn, vượt 10,1% kế hoạch (KH: 260.000 tấn)

- Diện tích trồng mới, tái canh cây công nghiệp dài ngày ước đạt 550 ha (trong đó: Cà phê: 150 ha, Cao su: 350 ha; Hồ tiêu: 50 ha), đạt 100% KH năm.

- Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2019 ước đạt 40.375,7 tấn đạt 100,9% so với KH.

- Trồng rừng tập trung: 9.320 ha (vượt 55% KH). Trồng phân tán 2,5 triệu cây các loại đạt 100% KH. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt trên 945.000m³, (tăng 11,7% so với 2018).

- Tỷ lệ độ che phủ rừng: 50% (đạt 100% KH).

- Tổng sản lượng thủy sản: Dự kiến đạt 35.250 tấn, vượt 7,8% kế hoạch (KH: 32.700 tấn); trong đó: khai thác: 26.583 tấn; nuôi trồng 8.667 tấn. Đặc biệt diện tích nuôi tôm toàn tỉnh đạt 1.260 ha (tôm sú 400 ha; tôm thẻ chân trắng: 860 ha). Sản lượng tôm nuôi đạt 5.065 tấn (tăng 533 tấn so với 2018), giá trị sản xuất theo giá hiện hành ước đạt 914 tỷ đồng.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 94,2 %, vượt KH đề ra (KH: 92,83%).

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Dự kiến có 09 xã về đích, đưa tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới lên 61 xã (52,1%), vượt KH đề ra. Đạt mục tiêu Nghị quyết 04 NQ/TU của Tỉnh ủy trước 01 năm, tiêu chí bình quân NTM toàn tỉnh 15,07 tiêu chí, không có xã đạt dưới 5 tiêu chí, hoàn thành chỉ tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Cam Lộ).

II. Kết quả trên một số lĩnh vực chính:

1. Lĩnh vực nông nghiệp: Nhờ nỗ lực tập trung chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, kêu gọi các doanh nghiệp liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ với HTX/HTT theo chuỗi giá trị, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp theo hướng hữu cơ đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nhiều sản phẩm như: gạo hữu cơ, gạo sạch canh tác tự nhiên, cà phê, hồ tiêu sạch, rau sạch,... đã được xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu để từng bước xâm nhập thị trường trong nước và quốc tế.

a) Trồng trọt: Đã đẩy mạnh áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật mới, chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao, tổ chức chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa thiếu nước và mở rộng trên đất màu sang các cây trồng cạn như: ngô, lạc, rau màu các loại. Đồng thời, tăng cường xúc tiến, kêu gọi các doanh nghiệp liên kết sản xuất, ký hợp đồng thu mua nông sản cho nông dân, tổ chức lại sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch tạo vùng nguyên liệu chế biến tạo ra động lực để thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành. Kết quả cụ thể:

Diện tích cây lương thực ước đạt 54.453,5 ha/54.300 ha kế hoạch, đạt 100,28% KH (tăng 153,5 ha). Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 284.166,8 tấn, giảm 5.688,3 tấn so với cùng kỳ năm trước², vượt 9,3% kế hoạch năm 2019 (KH: 260.000 tấn).

- **Cây lương thực có hạt:**

¹ Tổng giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản theo giá hiện hành năm 2019 ước đạt 11.805,8 tỷ đồng (nông

+ Cây lúa³: Tổng diện tích gieo trồng đạt 50.477 ha, giảm 231,3 ha so với cùng kỳ năm trước, đạt 100,9% kế hoạch năm (KH: 50.000 ha). Năng suất lúa bình quân toàn tỉnh ước đạt 53,9 tạ/ha, thấp hơn 0,4 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng lúa ước đạt 271.923,1 tấn, đạt 110,3% so với kế hoạch (KH: 246.500 tấn), giảm 3.575,6 tấn so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao ước đạt 37.268,6 ha, tăng 4.208,7 ha so với năm 2018 (*trong đó vụ Đông Xuân 2018 -2019: 20.666,5 ha, vụ Hè Thu 2019: 16.602,1ha*) chiếm gần 77% tổng diện tích gieo trồng lúa 02 vụ.

Diện tích cánh đồng lớn cả năm đạt 8.297 ha, tăng 2.240,4 ha so với năm 2018 (*trong đó vụ Đông Xuân 2018 -2019: 5.000 ha, vụ Hè Thu 2019: 3.297 ha*), quy mô mỗi cánh đồng từ 20 - 50 ha, tập trung ở 4 huyện trọng điểm lúa của tỉnh. Đặc biệt, mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hữu cơ, liên kết với Công ty CP nông sản hữu cơ Quảng Trị (195,6 ha) tiếp tục khẳng định hiệu quả trên cả 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường, từng bước xây dựng thành công thương hiệu gạo hữu cơ Quảng Trị.

+ Cây ngô⁴: diện tích gieo trồng ước đạt 3.810,6 ha, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước, đạt 84,86% kế hoạch năm (KH: 4.500 ha). Năng suất ngô ước đạt 36,1 tạ/ha. Sản lượng ước đạt 13.769,5 tấn, giảm 4,09% so với cùng kỳ năm trước, đạt 101,7 % kế hoạch năm (KH 13.500 tấn).

- *Cây công nghiệp ngắn ngày* (chủ yếu cây lạc): Diện tích gieo trồng ước đạt 3.344,7 ha, giảm 6,55% so với năm trước. Năng suất ước đạt 21,1 tạ/ha, sản lượng ước đạt 7.054,6 tấn, giảm 3,76% so với năm trước, đạt 88% kế hoạch năm. Nguyên nhân do sản xuất lạc vẫn phụ thuộc chủ yếu vào thời tiết. Với điều kiện bất thuận vụ Đông Xuân mưa kéo dài, vụ Hè Thu khô hạn nên nhiều diện tích lạc không thể gieo trồng được và gieo lên gặp khô hạn bên cạnh đó, một số diện tích chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng khác.

- *Rau các loại*: Diện tích gieo trồng ước đạt 4.941,5 ha, giảm 6,39% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng ước 51.063 tấn, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, nhiều địa phương đã đầu tư xây dựng mô hình sản xuất rau theo hướng ứng dụng công nghệ cao và mở rộng diện tích trồng rau an toàn. Hiện nay, có 05 ha rau ở Thành phố Đông Hà được chứng nhận VietGap và hơn 80 ha được chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm.

- *Cây lấy củ có bột*: Diện tích gieo trồng khoai lang ước đạt 2.037,4 ha, giảm 10,73% so với năm trước, sản lượng cả năm ước đạt 16.636,1 tấn, giảm 9,04% so với năm trước. Nguyên nhân do các địa phương tiến hành chuyển đổi sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn như: nộm, rau, đậu các loại...

Diện tích gieo trồng sắn ước đạt 11.728,6 ha, giảm 155,7 ha so với năm trước, đạt 106,6% kế hoạch năm (KH 11.000 ha), năng suất ước đạt 17,1 tấn/ha, sản lượng cả

³ +Vụ Đông Xuân: Diện tích gieo trồng ước đạt 26.044 ha, đạt 102,1% kế hoạch, tăng 0,23% so với cùng kỳ năm trước. Vụ Đông Xuân 2018-2019 tiếp tục được mùa, năng suất lúa đạt 58,4 tạ/ha³ vụ được mùa nhất từ trước tới nay), sản lượng đạt 152.117,4 tấn tăng 0,2% so với vụ Đông Xuân năm 2018. Diện tích gieo cấy lúa chất lượng cao đạt 20.666,5 ha; Diện tích tổ chức sản xuất lúa theo cánh đồng lớn là 5.000 ha.

+Vụ Hè Thu: Diện tích ước đạt 22.563,9 ha, giảm 0,51% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất ước đạt 52,2 tạ/ha, thấp hơn 1,4 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng ước đạt 117.738,8 tấn, giảm 3,16% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó diện tích lúa chất lượng cao đạt 16.602,1 ha; Diện tích thực hiện cánh đồng lớn đạt 3.297 ha

năm ước đạt 199.469,3 tấn, đạt 124,67 % kế hoạch năm (KH 160.000 tấn).

- **Cây công nghiệp dài ngày:** Diện tích cà phê đến nay là 4.910 ha, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 4.610 ha cà phê cho sản phẩm. Hiện nay, cây cà phê đang giai đoạn phát triển quả. Năng suất dự kiến đạt 11,5 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha so với năm 2018. Diện tích cao su đến nay là 19.306,8ha tăng 0,11% so với cùng kỳ, trong đó diện tích cao su cho sản phẩm 13.663,9 ha. Diện tích hồ tiêu trên địa bàn tỉnh tính đến nay là 2.530 ha, tăng 0,99% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích cho sản phẩm là 2.010 ha; Dự kiến năng suất ước đạt 9 tạ/ha, cao hơn 1,7 tạ/ha so với năm 2018.

b) Chăn nuôi, thú y:

Chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại tập trung gắn với an toàn sinh học và vệ sinh môi trường tiếp tục được chú trọng phát triển. Toàn tỉnh hiện có 78 trang trại chăn nuôi lợn, bò và gia cầm; Trong đó, có 04 HTX chăn nuôi, 48 trang trại chăn nuôi gia công (liên kết với các công ty thức ăn chăn nuôi), 64 trang trại đã được cấp giấy chứng nhận trang trại, 03 trang trại chăn nuôi đã được cấp giấy chứng nhận VietGap (01 trại gà, 02 trại lợn) tạo ra sản phẩm chất lượng cao, bảo đảm an toàn thực phẩm. Nhiều doanh nghiệp đã lập dự án đầu tư vào chăn nuôi. Các liên kết trong sản xuất chăn nuôi đã góp phần đảm bảo bao tiêu đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi, tăng năng lực cạnh tranh cho các thành viên tham gia liên kết, đáp ứng được số lượng sản phẩm lớn và chất lượng cho thị trường.

Công tác áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao được quan tâm, khuyến khích, thúc đẩy; các mô hình chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như: chuồng kín, tự động hóa các khâu thức ăn, nước uống, tiêu độc khử trùng... được áp dụng khá rộng rãi. Các giải pháp áp dụng xử lý chất thải chăn nuôi như Biogas, đệm lót sinh học ngày càng được nhân rộng góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và đảm bảo vệ sinh, an toàn dịch bệnh.

Tổng đàn trâu 22.100 con giảm 3,54% so với cùng kỳ năm 2018; tổng đàn bò 56.500 con giảm 6,4% so với cùng kỳ; Tổng đàn gia cầm 3.460.000 con, tăng 17,08% so với cùng kỳ. Tổng đàn lợn 199.000 con, giảm 18,19% so với cùng kỳ.

Tổng đàn gia súc tiếp tục giảm sâu do hạn chế về đồng cỏ và ảnh hưởng dịch tả lợn châu Phi nên người dân chưa tái đàn sản xuất. Tổng đàn gia cầm tăng mạnh do tăng số lượng gia trại, trang trại; chăn nuôi gia cầm đang được tập trung hơn để bù đắp thiếu hụt sản xuất chăn nuôi do dịch bệnh dịch tả lợn châu Phi. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2019 ước đạt 40.375 tấn, đạt 100,9% kế hoạch.

2. Lĩnh vực lâm nghiệp: Để tỷ lệ độ che phủ rừng giữ ổn định 50%, ngành đã tích cực chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, các chủ rừng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư, triển khai đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bằng việc huy động nhiều nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, sự nghiệp kinh tế tỉnh, tái đầu tư từ khai thác rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, các dự án

Công tác đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm tra, phát hiện và xử lý các hành vi xâm hại rừng được thực hiện quyết liệt; Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vụ vi phạm khai thác rừng, lấn chiếm rừng, mua bán, vận chuyển trái phép lâm sản⁵.

Để quản lý, theo dõi sản lượng khai thác gỗ và các lâm sản khác trên địa bàn tỉnh, lực lượng Kiểm lâm, các chủ rừng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát về khai thác rừng và cập nhật, thống kê sản lượng khai thác gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 945.000 m³.

Hỗ trợ, hướng dẫn các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và trồng rừng thay thế đúng quy định của pháp luật, bao gồm: 26 dự án với tổng diện tích được chuyển đổi 605,3 ha.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 13/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Thực hiện rà soát quy hoạch 3 loại rừng trên toàn tỉnh; Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, giám sát sự thay đổi rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Quảng Trị. Từ nhiều nguồn vốn (Chương trình 886, Chỉ trả DVMTR, Dự án JICA2) đã thực hiện giao khoán bảo vệ rừng cho các tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình trên 85.000ha rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng, đã góp phần hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ rừng hạn chế các hành vi xâm hại rừng.

Tham mưu UBND tỉnh hiệu chỉnh số liệu chuyển rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất và chỉ đạo các địa phương, đơn vị hoàn thành phương án chỉ tiết chuyển rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất. Chỉ đạo các Ban quản lý rừng, các Công ty Lâm nghiệp hoàn thành Phương án quản lý rừng bền vững trình UBND tỉnh phê duyệt, hoàn thành trong năm 2019.

Trước tình hình nắng nóng gay gắt kéo dài, nguy cơ xảy ra cháy rừng cao, ngành đã kịp thời tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 01 Chỉ thị, 03 Công văn tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng PCCC, ban hành Phương án huy động lực lượng, phương tiện, máy móc, thiết bị tham gia chữa cháy rừng. Trong năm, trên địa bàn xảy ra 12 vụ cháy rừng trồng, diện tích rừng bị cháy 44,7 ha, giá trị thiệt hại 1.074,3 triệu đồng. Ngoài ra, trên các địa bàn xảy ra 45 điểm cháy đã được các địa phương, chủ rừng huy động lực lượng, phương tiện dập tắt kịp thời nên không gây thiệt hại về rừng.

b) Phát triển rừng

Trồng rừng tập trung: 9.320ha, đạt 155% KH năm, trồng phân tán 2,5 triệu cây các loại đạt 100% KH.

Việc phát triển trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng từ gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn nhằm tạo nguồn nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ được ngành chú trọng chỉ đạo. Đến nay có khoảng trên 50% diện tích rừng do các Công ty Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh tiến hành chuyển hóa sang kinh doanh gỗ lớn (10.100 ha) và khoảng gần 3.500 ha rừng trồng của các hộ gia đình đã chuyển đổi kinh doanh gỗ lớn. Trong thời gian tới tiếp tục chỉ đạo phát triển trồng rừng kinh doanh gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng sản xuất gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn với chu kỳ trên 10 năm nhằm nâng cao tỷ lệ gỗ xẻ có đường kính ≥ 15 cm, đạt 50 – 60% sản lượng khai thác của lô rừng, đáp ứng nguyên liệu gỗ cho ngành chế biến.

⁵ Phát hiện và lần đầu tiên 202 vụ vi phạm xử lý vi phạm hành chính 100 vụ. Phát tiền 843,3 triệu đồng. Tích thu

3. Lĩnh vực thủy sản:

Tổng sản lượng thủy sản (cả nuôi trồng và khai thác) cả năm ước 35.250 tấn, đạt 107,8% so với kế hoạch. Trong đó: khai thác: 26.583 tấn, nuôi trồng 8.667 tấn.

a. Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

Hầu hết các tàu khai thác xa bờ cho hiệu quả cao, góp phần tăng thu nhập cho người dân; Đã tích cực tổ chức thực hiện các hoạt động tuần tra, kiểm soát trên biển và nội đồng⁶. Tổ chức kiểm tra và hướng dẫn ngư dân khai thác thủy sản đúng vùng, đúng tuyến, đúng giấy phép khai thác thủy sản; tuyên truyền người dân thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu cá tham gia hoạt động thủy sản trên biển.

Dự ước sản lượng thủy sản khai thác cả năm 2019 đạt 26.583 tấn, đạt 109,8% so với kế hoạch và tăng 9,88% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng số tàu thuyền toàn tỉnh đến nay là 2.298 chiếc⁷, với tổng công suất 126.419 cv. Các nghề khai thác chủ yếu là nghề lưới rê các loại có 1.769 chiếc, nghề lưới vây có 123 chiếc, nghề câu có 34 chiếc, còn lại các nghề khác 372 chiếc.

- *Thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP*: Tính đến nay đã có 25/32 tàu đóng mới; 93/118 chủ tàu được vay vốn để nâng cấp (có 03 tàu hoàn trả vốn vay). Hầu hết các chủ tàu đã triển khai thực hiện kịp thời và đánh bắt có hiệu quả, đã góp phần tham gia khai thác ở vùng biển xa nhiều hơn.⁸

- *Tình hình thực hiện chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo qui định (IUU)*: Tổ chức 28 lớp tập huấn về Luật thủy sản, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, công tác bảo tồn biển và chống khai thác IUU; hướng dẫn trực tiếp cho 700 lượt thuyền trưởng, chủ tàu theo phương châm “cầm tay chỉ việc”; tổ chức phát 2.100 tờ rơi về qui định khai thác bất hợp pháp và bảo tồn biển theo Luật Thủy sản năm 2017 cho các chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc và các ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản; Kế hoạch số 956/KH-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh về việc thanh tra, kiểm tra và kiểm soát nghề cá tỉnh Quảng Trị và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo khác. Đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho 18/18 chiếc tàu có chiều dài 24m trở lên trên địa bàn tỉnh. Đã tham mưu UBND tỉnh thành lập Văn phòng kiểm soát nghề cá tại cảng cá Cửa Việt và Cửa Tùng và tích cực triển khai công tác kiểm tra tàu cá rời cảng, cập cảng theo quy định.

b. Nuôi trồng thủy sản.

Ngành nông nghiệp và PTNT đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác quản lý nhà nước về công tác giống, xử lý môi trường nuôi, tích cực chỉ đạo hướng dẫn nuôi trồng thủy sản theo khung lịch thời vụ của tỉnh, nhất là triển

⁶ Tổ chức 30 chuyến tuần tra, trong đó: 24 chuyến trên biển, 06 chuyến nội đồng; kiểm tra hơn 375 lượt tàu, xử lý 13 vụ vi phạm trong lĩnh vực thủy sản. Nhìn chung, ngư dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản trên biển, hiện tượng tranh giành ngư trường không xảy ra; ngư dân tham gia khai thác vùng biển xa theo hình thức tổ đội, tổ hợp tác đã phát huy hiệu quả trong việc chia sẻ ngư trường đánh bắt và hỗ trợ kịp thời khi gặp sự cố rủi ro trên biển

⁷ Trong đó, số tàu cá dưới 6m có 845 chiếc; từ 6m đến dưới 12m có 863 chiếc; từ 12m đến dưới 15m có 209 chiếc; tàu cá 15m đến dưới 24m 363 tàu; tàu cá trên 24m: 18 chiếc.

⁸ Trong 9 tháng đầu năm, đã tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt và bố trí kinh phí hỗ trợ bảo hiểm năm 2018 cho

khai các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, nuôi hai giai đoạn nhằm giám sát bảo vệ môi trường và nâng cao năng suất sản lượng.

Diện tích nuôi trồng cả năm 2019 đạt 3.450 ha⁹, bằng 101,1% so với cùng kỳ năm trước và bằng 100,8% so với kế hoạch

- *Sản lượng nuôi trồng thủy sản*: Dự ước sản lượng năm 2019 đạt 8.667 tấn¹⁰, tăng 8,01% so với cùng kỳ 2018, bằng 101,9% so với kế hoạch.

Nuôi trồng thủy sản đang phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, bền vững, an toàn dịch bệnh đã mang lại hiệu quả cao về kinh tế.

4. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và công tác phòng, chống:

- *Dịch bệnh cây trồng*: Nhờ làm tốt công tác dự tính dự báo, điều tra sâu bệnh định kỳ và đột xuất; phân công cụ thể từng cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn kết hợp với cán bộ phụ trách nông nghiệp các địa phương, cán bộ HTX trực tiếp chỉ đạo ngay từ đầu vụ, bám sát thực tế và diễn biến sâu bệnh để đưa ra các giải pháp kịp thời. Kết quả đã khống chế được các đối tượng dịch bệnh phát sinh và gây hại, đặc biệt chủ động phòng ngừa và kịp thời phát hiện các đối tượng gây hại trên cây trồng.

Do đó, cả 2 vụ Đông Xuân và Hè thu đã bảo vệ sản xuất an toàn, thiệt hại do sâu bệnh gây ra không đáng kể (dưới 3% tổng sản lượng). Đặc biệt, trong năm 2019, đối tượng gây hại mới là sâu keo mùa thu phát sinh gây hại trên ngô, sâu gây hại cục bộ một số vùng vào giai đoạn cuối vụ tuy nhiên nhờ công tác điều tra phát hiện sớm đã tổ chức phòng trừ hiệu quả nên không ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng ngô.

- *Dịch bệnh gia súc, gia cầm*:

+ *Dịch Lở mồm long móng trên đàn lợn*: Dịch LMLM type O đã xảy ra trên đàn lợn tại 16 xã, thị trấn của 7 huyện, thị xã, thành phố: Vĩnh Linh, Hải Lăng, Gio Linh, Triệu Phong, Cam Lộ, Thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà. Tổng số lợn mắc bệnh, phát bệnh sau tiêm phòng, chết và tiêu hủy là 1.428 con (87 nái, 1.110 lợn thịt, 231 lợn con); tổng trọng lượng tiêu hủy 61.073 kg.

+ *Dịch Lở mồm long móng trên đàn trâu bò*: Từ ngày 02/10/2019 đến ngày 06/11/2019, dịch xảy ra tại 24 xã, thị trấn của 6 huyện: Cam Lộ, Vĩnh Linh, Đakrông, Hướng Hóa, Triệu Phong và Gio Linh với tổng số 1.100 con trâu bò mắc bệnh (634 trâu, 466 bò) của 395 hộ dân, trong đó có 574 con đã lành triệu chứng.

+ *Dịch tả lợn Châu Phi*: Đầu tiên xảy ra tại hộ bà Dương Thị Thanh Hà, thôn Mỹ Chánh, xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng; tính đến ngày 05/12/2019, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 10.631 hộ, 540 thôn, 118 xã, phường, thị trấn của 09 huyện, thị xã, thành phố với tổng số 55.308 con (16.202 nái và đực giống, 23.096 lợn thịt và 16.010 lợn con theo mẹ) bị bệnh, chết buộc chôn hủy, trọng lượng tiêu hủy 2.926.372 kg (nái và đực giống: 2.096.874 kg, thịt: 772.845 kg, lợn con theo mẹ: 56.652 kg). Có 30 xã, phường, thị trấn công bố hết dịch do đã qua 30 ngày không phát sinh thêm lợn mắc bệnh; đồng thời cũng có 32 xã tái phát dịch sau 30 ngày. Cơ quan chuyên môn tiếp tục phối hợp với chính quyền các địa phương quyết liệt, kịp thời trong triển khai chống dịch và rà soát thống kê thiệt hại. Công tác tiêm phòng vắc xin các bệnh khác trên gia súc, gia cầm tiếp tục được chú trọng triển khai¹¹

⁹ Trong đó: nước ngọt ước đạt 2180 ha, mặn lợ ước đạt 1270 ha (tôm sú 400 ha, tôm thẻ 860 ha, nuôi khác 10 ha).

- *Dịch bệnh thủy sản*: Từ đầu năm 2019 đến nay, dịch bệnh tôm nuôi đã xảy ra ở 10 xã, phường của 04 huyện, thành phố với tổng diện tích bị bệnh 52,84 ha (huyện Gio Linh: 2,31 ha, huyện Triệu Phong: 3,05 ha, huyện Vĩnh Linh: 22,36 ha, thành phố Đông Hà: 25,12 ha).

Các loại bệnh xảy ra là bệnh Hoại tử gan tụy cấp tính (52,34 ha) và bệnh Đốm trắng (0,5 ha). Ngay khi nhận được tin báo dịch bệnh, cơ quan chức năng đã về kiểm tra trực tiếp tại hồ nuôi, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh đồng thời cùng chủ hồ nuôi lấy mẫu gửi xét nghiệm tìm nguyên nhân gây bệnh. Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã kịp thời cấp 25.009 kg hóa chất Chlorine từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn Trung ương hỗ trợ kịp thời cho các hộ nuôi xử lý dập dịch, góp phần hạn chế sự lây lan dịch bệnh sang các vùng nuôi khác.

6. Lĩnh vực Thủy lợi, công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, phòng chống thiên tai và xây dựng cơ bản:

a) Công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất:

Bước vào vụ sản xuất năm 2019, trước tình hình thiếu hụt nguồn nước tại các hồ chứa, hạn hán và xâm nhập mặn, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về tổ chức thực hiện các giải pháp thủy lợi phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh; đồng thời chỉ đạo các địa phương, đơn vị phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Sở để xây dựng phương án tổ chức sản xuất phù hợp, triển khai hiệu quả các giải pháp ứng phó với hạn hán ngay từ đầu vụ. Tăng cường chỉ đạo công tác vận hành, điều tiết hệ thống công trình thủy lợi, đề điều đảm bảo ngăn mặn, giữ ngọt, tưới tiêu. Trong đó, quán triệt phương châm "*Tưới tiết kiệm, sử dụng nguồn nước một cách hợp lý, hiệu quả*" cho sản xuất, thực hiện triệt để phương pháp tưới luân phiên, chú trọng áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm cho cây lúa và cây trồng cạn.

~~Tận dụng và mở rộng tối đa diện tích sản xuất ở các vùng có điều kiện tưới;~~ đối với các vùng thiếu nước, xem xét chuyển đổi sang cây trồng cạn phù hợp. Kết quả diện tích tưới trong vụ Đông Xuân 2018-2019: 25.632 ha lúa, 1.129 ha màu, mạ cây công nghiệp, 968 ha nuôi trồng thủy sản, góp phần quan trọng đưa năng suất lúa đạt 58,4 tạ/ha, sản lượng lương thực đạt trên 15 vạn tấn. Vụ Hè Thu năm 2019, theo kế hoạch, tổng diện tích gieo cấy toàn tỉnh là: Lúa 23.382,52 ha; màu mạ, cây công nghiệp 933,06 ha, 1.000 ha nuôi trồng thủy sản. Trong điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn tiếp tục diễn ra trên địa bàn tỉnh, Sở chỉ đạo các địa phương, đơn vị, cơ quan chuyên môn trực thuộc chủ động xây dựng phương án cấp nước tiết kiệm, đảm bảo cơ bản phục vụ sản xuất - sinh hoạt cho người dân.

b) Công tác Phòng chống thiên tai và TKCN:

- Để chủ động phòng tránh và ứng phó với các diễn biến ngày càng phức tạp, cực đoan của thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh, ngay từ đầu năm 2019, Văn phòng Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh chỉ đạo các Sở, ban ngành, đơn vị, địa phương kiện toàn Ban Chỉ huy

- *Tiền phòng vụ Xuân tỉnh đến ngày 30/6/2019*: Vắc xin THT trâu bò được 21.689 con đạt 37,1% kế hoạch; Vắc xin Kép lợn được 57.646 con đạt 67,6% kế hoạch; Vắc xin Đại chó được 34.620 con đạt 89,9% kế hoạch; Vắc xin LMLM trâu bò được 44.876 con đạt 70,6% kế hoạch; Vắc xin LMLM lợn được 28.475 con (*Tiền bao vây chống dịch*); Vắc xin cúm gia cầm được 196.178 lượt con.

- *Tiền phòng vụ Thu (số liệu tính đến 31/10/2019)*: Vắc xin THT trâu bò bổ sung được 8.317 liều; Vắc xin Đại chó

phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trong đó có phân công trách nhiệm, nhiệm vụ của từng thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN; đôn đốc các địa phương, đơn vị liên quan rà soát xây dựng và cập nhật kế hoạch phòng, chống thiên tai, cung cấp số liệu để xây dựng phương án ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh;

- Triển khai thu Quỹ Phòng chống thiên tai ngay từ đầu năm 2019 theo quy định: tham mưu UBND tỉnh giao kế hoạch thu Quỹ đợt I năm 2019 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn toàn tỉnh;

- Chủ động, phối hợp tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh tổ chức thành công hội nghị tổng kết công tác PCTT & TKCN năm 2018, triển khai nhiệm vụ phòng, chống thiên tai & TKCN năm 2019 của tỉnh.

- Triển khai nghiêm túc công tác trực ban PCTT&TKCN, tham mưu kịp thời cho Ban chỉ huy PCTT&TKCN và UBND tỉnh trong quá trình chỉ đạo, điều hành, ứng phó với thiên tai. Thống kê, tổng hợp thiệt hại sau các đợt thiên tai báo cáo kịp thời các cơ quan cấp trên.

c) Công tác xây dựng cơ bản:

Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB sử dụng nguồn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2018, Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản, Sở Nông nghiệp và PTNT thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ đầu tư công cũng như vấn đề xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Tập trung chỉ đạo các Ban QLDA đôn đốc các nhà thầu, xây lắp huy động nhân lực, thiết bị, tranh thủ thời gian thuận lợi để thi công, đảm bảo yêu cầu tiến độ thi công và giải ngân các công trình đạt và vượt kế hoạch.

Năm 2019, toàn ngành được giao kế hoạch vốn tư xây dựng cơ bản là 391,282 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách địa phương 28,103 tỷ đồng; ngân sách TW 363,180 tỷ đồng (vốn ODA: 87,855 tỷ đồng; NSTW hỗ trợ 271,964 tỷ đồng). Quá trình triển khai, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm phân đấu giải ngân hết 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 thuộc tất cả các nguồn vốn đã được giao. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện kế hoạch và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đúng theo quy định tại Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB sử dụng nguồn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2019 và các văn bản chỉ đạo của các Bộ, ngành có liên quan.

7. Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, dự án hỗ trợ sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và truyền thông: Xác định công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ là trụ cột then chốt trong thực hiện tái cơ cấu ngành, Sở đã tập trung chỉ đạo tăng cường tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp nông thôn, gắn với đổi mới phương pháp đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển sản xuất trong bối cảnh mới.

Chương trình khuyến nông tiếp tục triển khai nhiều mô hình chuyển giao tiến

Nông nghiệp trên Đài truyền hình tỉnh, bạn nhà nông trên Báo Quảng Trị, Bản tin Nông nghiệp ngành) tiếp tục được cải tiến nội dung và nâng cao chất lượng để hướng dẫn kỹ thuật cho bà con nông dân và các doanh nghiệp trên địa bàn với nội dung phong phú, đa dạng.

** Triển khai các mô hình liên kết theo sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, sạch, công nghệ cao:*

Tiếp tục liên kết với Công ty Nông sản hữu cơ Quảng Trị (QTO) để sản xuất lúa hữu cơ: Năm 2019, tiếp tục kết nối với Công ty QTO để sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ với quy mô 195,5 ha tại các địa phương, năng suất bình quân năm 2019 đạt 5,2 tấn/ha, sản lượng đạt 1.017,28 tấn. Vụ Đông Xuân 2018-2019 tiếp tục là một vụ mùa thành công¹², riêng vụ Hè thu 2019, do ảnh hưởng của khô hạn trong toàn vụ cũng như mưa bão cuối vụ làm ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng của mô hình¹³.

Tiếp tục liên kết với Công ty Đông Giao để phát triển vùng nguyên liệu dứa: tiếp tục xây dựng mô hình liên kết trồng dứa theo hướng điều chỉnh lịch mùa vụ trồng, chăm sóc, thu hoạch phù hợp với điều kiện khí hậu trên địa bàn tỉnh, để có cơ sở khẳng định tính phù hợp và hiệu quả kinh tế của đề án liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm dứa trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Công ty Nafood Tây Bắc để phát triển vùng chanh leo xuất khẩu trên địa bàn, triển khai trồng mới 20 ha niên vụ 2019 trên địa bàn các huyện Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Cam Lộ và Triệu Phong, đến nay đã trồng được 12 ha tại Hướng Phùng, Hướng Hóa, cây chanh leo sinh trưởng và phát triển tốt, 8 ha còn lại đã tiến hành cấp giống và sẽ trồng trong 3 tháng cuối năm 2019;

Triển khai thực hiện Dự án liên kết với Công ty CP nông nghiệp công nghệ cao Tuệ Lâm trồng và tiêu thụ cây dược liệu (sâm bố chính) với quy mô 03 ha trên địa bàn xã Gio An - huyện Gio Linh. Kết quả năng suất đạt bình quân 6 tấn/ha, sau khi trừ chi phí cho lãi bình quân 120 triệu đồng/ha.

Đã tích cực triển khai thực hiện mô hình “Ương tôm thẻ chân trắng theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn” theo Quyết định 23/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh. Hiện nay, đang triển khai mô hình tại 6 điểm, trong đó: 01 điểm tại huyện Hải Lăng, 01 điểm tại huyện Triệu Phong, 01 điểm tại huyện Gio Linh, 01 điểm tại huyện Vĩnh Linh và 02 điểm tại thành phố Đông Hà.

Triển khai dự án “Nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao trong nhà kính” cho 01 cơ sở nuôi tôm tại xã Vĩnh Thái - huyện Vĩnh Linh và dự án “Nuôi tôm thẻ chân trắng bể nổi tròn trong nhà lưới” tại xã Triệu Lăng - huyện Triệu Phong. 2 dự án đã hoàn thành các hạng mục xây dựng và đã thả giống tôm thẻ chân trắng vào tháng 9/2019. Hiện nay tôm sinh trưởng và phát triển tốt, dự kiến đến cuối tháng 12, sản lượng thu hoạch: 35 tấn/6.000 m² (đối với dự án “Nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao trong nhà kính”) và sản lượng thu hoạch: 8,75 tấn/1.500 m² (đối với dự án “Nuôi tôm thẻ chân trắng bể nổi tròn trong nhà lưới”) với kích cỡ tôm thương phẩm 60 con/kg, năng suất trung bình đạt 58 tấn/ha.

(Có chuyên đề báo cáo tổng kết các mô hình tiêu biểu năm 2019 gửi kèm theo)

Công tác quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản ngày càng được chú trọng, qua công tác kiểm tra ATVSTP đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm,

thủy sản đã chấn chỉnh kịp thời những hạn chế trong quá trình sản xuất kinh doanh của các cơ sở, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở, điểm giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh thuốc thú y, bảo vệ thực vật, thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, phân bón... theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

8. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- *Về xã nông thôn mới:* toàn tỉnh đã có 52/117 xã (44,4%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 52 xã so với năm 2010 và tăng 34 xã so với năm 2015). Trong đó, huyện Hải Lăng 9/19 xã, Triệu Phong 6/18 xã, Gio Linh 8/18 xã, Vĩnh Linh 15/19 xã, Cam Lộ 8/8 xã, Hướng Hóa 5/20 xã.

Dự kiến đến năm 2019 sẽ có thêm 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 61 xã (chiếm tỷ lệ 52,1%), đạt mục tiêu kế hoạch trước 1 năm. Bình quân tiêu chí/xã đạt 15,07 tiêu chí (tăng 14,47 tiêu chí so với năm 2010 và tăng 3,37 tiêu chí so với năm 2015).

- *Về huyện nông thôn mới:* UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng huyện Cam Lộ phấn đấu đạt chuẩn trong năm 2019, đến nay hiện trạng như sau: Về tiêu chí 100% xã nông thôn mới của huyện: có 8/8 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới. Về tiêu chí cấp huyện: Huyện Cam Lộ đã hoàn thành bộ tiêu chí huyện nông thôn mới. Đoàn thẩm định của Trung ương đã tổ chức thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế tại huyện. Hiện nay, huyện Cam Lộ đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng Trung ương thẩm định và công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019

- *Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu:* Thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của Trung ương, tỉnh Quảng Trị đã chọn 8 xã để chỉ đạo điểm gồm: Vĩnh Thủy, Vĩnh Kim, Cam Chính, Xã Vĩnh Kim, Hải Thượng, Tân Hợp, Gio Sơn, Cam Hiếu, Triệu Đại Xã Vĩnh Thủy. Đến nay, đã có 3/8 xã đạt chuẩn NTM, các xã còn lại đạt từ 6-11 tiêu chí gồm: Hải Thượng, Tân Hợp, Gio Sơn, Cam Hiếu, Triệu Đại. Các địa phương này đều có kế hoạch đăng ký đạt chuẩn vào năm 2020

- *Xây dựng nông thôn mới tại thôn, bản khó khăn:* Thực hiện Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quảng Trị có 93 thôn, bản thuộc 10 xã biên giới của 02 huyện Hướng Hóa và Đakrông được chọn để tập trung xây dựng thôn, bản nông thôn mới. Đến nay, số tiêu chí đạt bình quân của các thôn ở 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông là 6,57 tiêu chí/thôn, bản; trong đó, bình quân ở huyện Hướng Hóa là 6,26 tiêu chí; bình quân ở huyện Đakrông là 6,9 tiêu chí/thôn, bản.

9. Chương trình nước sinh hoạt và VSMT nông thôn: Hoàn thành công tác phân tích chất lượng nước sinh năm 2019, cụ thể: 211 mẫu tại 30 thôn thuộc 12 xã của các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng và Triệu Phong. Công tác cập nhật số liệu chỉ số nước sạch và VSMT nông thôn do địa phương thực hiện, dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2019. Đã nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng mô hình chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh tại xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ; Bàn giao đưa vào sử dụng 140 panô tuyên truyền tại các xã: Xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ; xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong và xã Trung Sơn, huyện Gio Linh;

94,2% vượt kế hoạch đề ra.

10. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao; xây dựng và triển khai các chương trình, đề án góp phần thành công trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp; công tác kiện toàn tổ chức bộ máy theo nghị quyết 18, 19:

- Về công tác cải cách hành chính: Xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, Sở đã tập trung chỉ đạo và ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện như: rà soát quy định thủ tục hành chính, chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nông nghiệp và PTNT theo Quyết định số 63/QĐ-BNN-PC ngày 11/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính và đề nghị công bố mới theo đúng quy định; tiếp tục nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động đơn vị và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008 vào các đơn vị hành chính, sự nghiệp; xây dựng Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2019; Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, thực hiện nhiệm vụ... tại các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành Sở; ứng dụng phần mềm theo dõi chỉ đạo và tin nhắn thông báo nhiệm vụ đến các cơ quan, đơn vị thuộc Sở. Triển khai trong toàn Ngành tham gia cuộc thi "Tìm kiếm sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính" theo chủ trương của tỉnh, với 185 bài dự thi, trong đó có 4 bài được Hội đồng tuyển chọn tham gia cuộc thi cấp tỉnh.

Trong năm 2019, ngoài việc chủ động tập trung thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của ngành, lãnh đạo Sở đã quyết tâm trong việc chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện trên 296 nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, đến nay đã hoàn thành đúng thời hạn quy định trên 272 nhiệm vụ (đạt trên 91,8% kế hoạch) một cách kịp thời, hiệu quả, không có nhiệm vụ nào hoàn thành chậm, quá hạn hay bị trả lại; 100% TTHC giải quyết trước hẹn.

Để thực hiện thành công cơ cấu lại ngành Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các Sở, Ban ngành và địa phương xây dựng một số đề án trình HĐND tỉnh để ban hành các chính sách tạo động lực cho phát triển ngành Nông nghiệp trong thời gian tới. Đã được HĐND tỉnh thông qua và ban hành các Nghị quyết: số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về việc quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng thực hiện các dự án trong năm 2019; Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 "quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020" và tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật¹⁴.

¹⁴ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 về Ban hành Quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đồng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; Quy định về đồng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày

- *Về tổ chức thực hiện Nghị quyết 18 và 19 của BCH TW Đảng:* Trong năm 2019, lãnh đạo Sở tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án "Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố; cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng khóa XII" đã ban hành Đề án số 721/ĐA-SNN (lần 2) ngày 13/5/2019 về kiện toàn các phòng chuyên môn, Chi cục QLNN chuyên ngành thuộc Sở trình và ngày 03/9/2019 được UBND tỉnh phê duyệt tại văn bản số 3955/UBND-NC về phương án sắp xếp, tổ chức lại các Chi cục, phòng chuyên môn thuộc Sở, đã hoàn thiện việc sắp xếp theo đúng quy định trước ngày 15/9. Kết quả: Tại cơ quan Sở, thực hiện việc hợp nhất phòng Tổ chức cán bộ và Văn phòng Sở, đến nay từ 05 phòng chuyên môn còn lại 4 phòng; Tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở: tổng số các phòng chuyên môn giảm từ 34 phòng xuống còn 28 phòng; Thực hiện việc bố trí hợp lý cán bộ tại các phòng ban đảm bảo phòng có số lượng từ 5 người trở lên; thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó phòng theo quy định và Hoàn thành Đề án chuyển đổi Trung tâm Giống Cây trồng vật nuôi thành Công ty Cổ phần, hiện nay đang chờ quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Tập trung chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp xây dựng, hoàn thành phương án tự chủ theo chủ trương của tỉnh; Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách theo Đề án tinh giản biên chế của Sở đã được UBND tỉnh phê duyệt; Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao.

Một số tồn tại, hạn chế:

- Quy mô các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh còn phân tán, chưa được quy hoạch định hướng cụ thể để khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của các địa phương. Dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi luôn tiềm ẩn và thường xuyên xảy ra, ô nhiễm môi trường đang ngày càng bức xúc, nhất là ô nhiễm môi trường do lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật. Quản lý chất lượng giống cây, con, môi trường nuôi, dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các địa phương, cơ sở còn bất cập. Công tác chỉ đạo, điều hành phòng chống bệnh dịch tả lợn châu Phi vẫn còn lúng túng; quy hoạch vùng chăn nuôi an toàn sinh học, quản lý phát triển chăn nuôi còn yếu; việc kiểm soát vận chuyển, kiểm dịch giết mổ, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm nhất là các sản phẩm từ lợn qua biên giới còn hạn chế nên chưa kiểm soát, khống chế được dịch bệnh.

- Tốc độ tăng trưởng ngành thủy sản chưa tương xứng với tiềm năng. Chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của ngành thủy sản còn hạn chế; Chỉ tiêu về phát triển diện tích nuôi trồng thủy sản chưa đạt kế hoạch Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ đề ra. Vẫn còn chủ quan, chưa thật sự vào cuộc quyết liệt để thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ về triển khai các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU)

- Tình hình cháy rừng và xâm hại tài nguyên rừng luôn có nguy cơ xảy ra; việc quản lý, sử dụng đất rừng trên địa bàn nhất là việc giao, nhận đất giữa các công ty, đơn vị với địa phương còn bất cập; tình trạng người dân lấn chiếm đất

rừng; chuyển nhượng, cho mượn, chuyển mục đích sử dụng đất rừng không đúng quy định còn diễn ra

- Kinh tế hợp tác chưa phát huy được vai trò, chưa thích ứng với cơ chế thị trường, quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hóa. Liên kết trong sản xuất còn thiếu và yếu, giá trị gia tăng trong sản xuất chưa cao; xây dựng và phát triển thương hiệu, tìm kiếm đầu ra cho nông sản còn lúng túng, gặp nhiều khó khăn. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị mới chỉ diện hẹp trên một số sản phẩm và rất hạn chế. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa đủ mạnh, thiếu tính đồng bộ; thủ tục hành chính tuy có cải cách nhưng chưa thực sự thông thoáng.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đồng bộ, nhất là vùng cát ven biển, vùng đồi núi, vùng sản xuất cây trồng cạn và cây lâu năm. Cơ sở hạ tầng nghề cá nhất là hệ thống cảng cá đã xuống cấp, khu neo đậu tàu thuyền mới đáp ứng 1/3 nhu cầu; chưa có cơ sở chế biến sâu nông sản phục vụ xuất khẩu.

Nguyên nhân chủ yếu để đạt được kết quả: Trước hết phải khẳng định sự chỉ đạo sâu sát của của Bộ NN và PTNT, của Tỉnh uỷ và UBND tỉnh; sự phối hợp của các ngành, hội, đoàn thể; vai trò tổ chức thực hiện của Chính quyền các cấp; ngành Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo quyết liệt, bám sát thực tiễn sản xuất, chủ động ứng phó các tình huống bất thường; sự nỗ lực của bà con nông dân đã khắc phục được những khó khăn để tổ chức sản xuất hiệu quả hơn.

Đã triển khai đồng bộ các giải pháp: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tham mưu ban hành các chính sách, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới về giống, bộ giống ngắn ngày có năng suất và chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất.

Cải tiến công tác truyền thông nhằm cung cấp các thông tin về thị trường, kiến thức về làm ăn, mô hình sản xuất giỏi, các HTX kiểu mới. Chủ động kết nối với các công ty, doanh nghiệp triển khai các mô hình liên kết theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, sản xuất theo quy mô lớn, theo chuỗi giá trị, đặc biệt có sự phối hợp liên kết 4 nhà trong hỗ trợ đầu vào và tiêu thụ đầu ra sản phẩm cho nông dân, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp theo hướng hữu cơ đem lại hiệu quả kinh tế cao, thực hiện tốt các mục tiêu chương trình tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và PTNT.

Phần thứ hai KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NĂM 2020

Bên cạnh những thuận lợi và cơ hội phát triển, sản xuất nông nghiệp tỉnh nhà trong năm 2020 sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Thiên tai lụt bão, hạn hán, sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi sẽ diễn biến khó lường. Việc xây dựng và phát triển thương hiệu, tìm kiếm đầu ra cho nông sản sẽ còn gặp khó khăn. Bên cạnh đó, năng lực của doanh nghiệp và HTX trong việc hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp còn một số hạn chế; tích tụ ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp còn ít, ảnh hưởng đến việc tổ chức liên kết với doanh nghiệp, hình thành chuỗi giá trị để

doanh nghiệp, của nhân dân và cộng đồng vào xây dựng NTM chưa nhiều. Tình hình đó đòi hỏi ngành phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, hành động quyết liệt, năng động sáng tạo, tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, huy động và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới cho giai đoạn 2018-2020.

I. Dự kiến một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 4-4,5%
- Sản lượng lương thực: 26 vạn tấn
- Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày 230 ha (trong đó: trồng mới cà phê: 150 ha, Cao su: 50 ha; Hồ tiêu: 30 ha)
- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 40.500 tấn
- Trồng rừng tập trung: 6.000ha-6.500ha, cây phân tán 2,5 triệu cây
- Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định 50%
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt: 95%
- Đảm bảo công suất tưới, tiêu chủ động cho 85% - 90% diện tích canh tác lúa
- Tổng sản lượng thủy sản: 37.000 tấn (Khai thác: 27.000 tấn, nuôi trồng 10.000 tấn)
- Diện tích nuôi thủy sản: 3.500 ha.
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Dự kiến đến cuối năm 2020 có thêm từ 4-6 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tương đương từ 54,7-56,4% (64-66 xã đạt chuẩn NTM).

(Chi tiết cụ thể theo Phụ lục đính kèm)

II. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020:

1. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM.

1.1). Đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị hàng hoá, đảm bảo an ninh lương thực, hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với xây dựng cánh đồng lớn.

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, đảm bảo gieo cấy hết diện tích lúa hai vụ. Sử dụng các biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp, xây dựng cánh đồng lớn, xây dựng thương hiệu gạo chất lượng cao của tỉnh Quảng Trị; tiếp tục đẩy mạnh quá trình áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các khâu làm đất, thu hoạch, chế biến.

Tăng cường công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng ứng phó với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi một số vùng đất sản xuất lúa thiếu nước, kém hiệu quả sang sản trồng các loại cây màu có hiệu quả cao hơn như ngô, đậu xanh, rau... hoặc nuôi trồng thủy sản.

Tu sửa, nạo vét hệ thống kênh mương, quản lý các công trình ngăn mặn chặt chẽ và quản lý nước ở các công trình thủy lợi thật tốt để phục vụ sản xuất

1.2). Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động gắn với điều chỉnh quy hoạch sản xuất để phát triển cây công nghiệp dài ngày chủ lực của tỉnh, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm

- Thực hiện chương trình tái canh và thâm canh các loại cây công nghiệp: Cao su, cà phê, hồ tiêu gắn với chế biến, thị trường tiêu thụ và xây dựng thương hiệu hàng hóa.

1.3). *Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại, gia trại tập trung gắn với an toàn sinh học và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả.*

- Khuyến khích và hỗ trợ đầu tư các cơ sở nhân giống của các tổ chức, tư nhân đảm bảo an toàn dịch bệnh, hợp chuẩn hợp quy nhằm chủ động con giống tại chỗ, đảm bảo chất lượng và an toàn dịch bệnh.

- Chú trọng công tác tái đàn lợn sau dịch tả lợn Châu Phi, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, tập trung, tăng cường liên kết để giải quyết đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Nâng cao ý thức về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường của người chăn nuôi, các cơ sở giết mổ.

- Tuyên truyền và vận động thực hiện tốt Luật Thú y, triển khai Luật Chăn nuôi. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, nâng cao năng lực hệ thống thú y, nhất là mạng lưới thú y cơ sở.

1.4). *Đẩy mạnh phát triển vốn rừng, nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp gắn với công tác bảo vệ rừng*

- Tiếp tục triển khai rà soát, chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất; Ổn định quy hoạch 3 loại rừng.

- Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng đến cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc rừng. Thực hiện tốt chỉ trả tiền dịch vụ môi trường rừng đúng quy định. Khai thác gỗ rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ một cách hợp lý và bền vững.

- Đẩy mạnh việc trồng rừng theo tiêu chuẩn, tiêu chí của FSC; Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất giai đoạn 2014 - 2020 (Xây dựng mô hình chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ dăm sang kinh doanh gỗ lớn (xẻ); Mô hình trồng rừng kinh doanh gỗ lớn (xẻ) và cấp chứng chỉ rừng) nhằm nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Tập trung, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong lâm nghiệp, tạo động lực, đòn bẩy để phát triển lâm nghiệp.

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức bảo vệ và phát triển rừng đến toàn xã hội. Huy động các nguồn vốn từ ngân sách, vốn hỗ trợ, vốn vay của các tổ chức quốc tế để bảo vệ và phát triển rừng.

1.5). *Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh, chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh và an toàn môi trường nuôi thủy sản.*

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính Phủ, về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Tiếp tục triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo qui định (IUU).

- Đẩy mạnh công tác hướng dẫn cho người dân ứng dụng công nghệ sinh học vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh và hoá chất

an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu; hướng dẫn người nuôi tôm chuẩn bị ao hồ, kiểm tra chất lượng tôm giống trước khi thả nuôi, hạn chế nguyên nhân gây hội chứng chết sớm ở tôm nuôi.

- Duy trì, thực hiện tốt công tác quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh; khuyến khích ngư dân đóng mới, mua mới tàu xa bờ, cải hoán và nâng cấp tàu thuyền mua sắm ngư lưới cụ vuron khơi đánh bắt dài ngày hiệu quả. Không phát triển tàu có công suất dưới 30 cv.

1.6). Đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Tiếp tục phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản; nhu cầu nước cho phát triển công nghiệp, phục vụ đời sống dân cư... Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Gắn việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, hàng năm với kế hoạch phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai. Đầu tư phát triển gắn với đầu tư các chương trình, dự án phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai; Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi để đảm bảo an toàn hồ chứa.

- Phát triển cơ sở hạ tầng nghề cá, nhất là các khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng, sửa chữa và hoàn thiện cảng cá và khu du lịch hậu cần nghề cá Cồn Cỏ để đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

1.7). Tăng cường Chế biến nông sản và xúc tiến thương mại: Ưu tiên xây dựng mạng lưới chế biến nông lâm thủy sản toàn tỉnh gắn với các vùng nguyên liệu và điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ cho các cơ sở chế biến đổi mới công nghệ để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Hoàn chỉnh cơ chế chính sách tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia phát triển chế biến nông sản, nhất là các chính sách đất đai, tín dụng, thị trường...

h). Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân. Phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân, tạo điều kiện để nhân dân tự nguyện, chủ động, sáng tạo tham gia xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng và duy trì thường xuyên, liên tục các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới gắn với các hoạt động cụ thể, thiết thực.

- Tích cực huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trực tiếp gắn với phát triển sản xuất và dân sinh; Quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các địa phương có điều kiện khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang, ven biển. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng trong xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, kêu gọi, vận động các tổ chức quốc tế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, HTX, doanh nghiệp được tiếp cận các nguồn

- Tiếp tục thực hiện đề án xã, thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, các mô hình chỉnh trang nông thôn theo hướng xây dựng mô hình “đường đẹp, nhà đẹp, vườn đẹp, thôn đẹp”; đề án bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình OCOP (mỗi xã, một sản phẩm) theo chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT phù hợp với nhu cầu thị trường và tiềm năng phát triển các sản phẩm được lựa chọn.

- Chỉ đạo các địa phương thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Xây dựng kế hoạch, giải pháp chỉ đạo cụ thể đối với các xã đã đạt chuẩn, các xã phấn đấu đạt chuẩn theo lộ trình hằng năm, các xã có số tiêu chí đạt còn thấp. Các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí và nỗ lực huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Một số nội dung chỉ đạo sản xuất chủ yếu trong vụ Đông Xuân 2019- 2020

- Tập trung nguồn lực triển khai tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2019 - 2020, trong đó chú trọng các giải pháp để chỉ đạo thống nhất, quyết liệt các biện pháp khống chế dịch bệnh; Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu giống và cây trồng. Áp dụng khoa học và công nghệ, xây dựng cánh đồng lớn, các vùng sản xuất đảm bảo VSATTP gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và liên kết trong sản xuất và tiêu thụ.

- Phối hợp với các địa phương để rà soát, quy hoạch các vùng thường xuyên thiếu nước tưới, vùng sản xuất lúa kém hiệu quả và hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng cạn sử dụng ít nước và hiệu quả hơn.

- Chỉ đạo sát đúng lịch thời vụ, cơ cấu giống phù hợp, đặc biệt tập trung sử dụng giống ngắn ngày, cực ngắn, giống chất lượng cao vào sản xuất nhằm rút ngắn thời gian sinh trưởng, tiết kiệm nước, hạn chế tác động của thời tiết bất thuận và giảm chi phí sản xuất.

- Trung tâm Giống cây trồng- vật nuôi chuẩn bị các nguồn giống tốt, đảm bảo về số lượng và chất lượng để phục vụ sản xuất;

- Tăng cường tuyên truyền áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất để giảm bớt chi phí sản xuất, giảm tổn thất sau thu hoạch, khắc phục tình trạng thiếu lao động chính vụ, rút ngắn thời gian làm đất, gieo cấy, thu hoạch, do đó đảm bảo được thời vụ, giảm tổn thất do thiên tai gây ra, góp phần tăng năng suất, chất lượng nông sản và hiệu quả kinh tế;

- Tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, các biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp (1 phải 5 giảm), đặc biệt tăng diện tích áp dụng sạ hàng để giảm lượng giống gieo, hạn chế sâu bệnh, tăng hiệu quả kinh tế;

- Tiếp tục chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng hình thành các vùng chuyên canh tập trung và sản xuất nông sản mang tính hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích. Sản xuất có liên kết giữa nông dân với các Doanh nghiệp cung ứng đầu vào và bao tiêu sản phẩm.

- Tăng cường công tác điều tra để dự tính dự báo sâu bệnh hàng tuần, hàng tháng và hàng vụ chính xác, kịp thời. Hướng dẫn về phòng trừ các đối tượng dịch hại đang phát sinh mạnh trên địa bàn có khả năng ảnh hưởng lớn đến năng suất như: Lùn sọc đen, Chuột ăn lúa...

hại lúa, bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu, rệp sáp bột hồng hại sắn,...

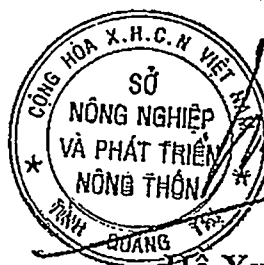
- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt là qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Truyền hình, phát thanh, báo Quảng Trị, Bản tin nông nghiệp...giúp cho người dân nắm được tình hình dịch hại nhanh chóng và có biện pháp phòng trừ hiệu quả.

- Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thường xuyên tổ chức tập huấn, thăm đồng, kiểm tra diễn biến tình hình sâu bệnh hại và tuyên truyền, phổ biến tiến bộ kỹ thuật đến người nông dân trên trang nông nghiệp và trên đồng ruộng. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở KH-ĐT;
- Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Hồ Xuân Hòe

PHỤ LỤC: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020

STT	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu KH
I	Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp		
1	Trồng trọt		
1.1	Cây lương thực có hạt		
	Diện tích	ha	53.800
	Sản lượng	tấn	260.000
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Lúa:</i>		
-	Diện tích:	ha	49.300
-	Sản lượng:	tấn	245.000
+	<i>Ngô</i>		
	Diện tích:	ha	5.500
	Sản lượng:	tấn	15.000
1.2	Lạc		
	Diện tích:	ha	4.000
	Sản lượng:	tấn	7.500
1.3	Sắn		
	Diện tích:	ha	10.000
	Sản lượng:	tấn	160.000
1.4	Cà phê		
	Diện tích:	ha	5.100
	<i>Trong đó trồng mới và tái canh</i>	ha	150
	Sản lượng:	tấn	6.500
1.5	Cao su		
	Diện tích:	ha	19.500
	<i>Trong đó trồng mới và tái canh</i>	ha	50
	Sản lượng:	tấn	16.000
1.6	Hồ tiêu		
	Diện tích:	ha	2.500
	<i>Trong đó trồng mới và tái canh</i>	ha	30
	Sản lượng:	tấn	2.000
2	Chăn nuôi		
	Đàn trâu	con	22.200
	Đàn bò	con	60.000
	<i>Trong đó: Tỷ lệ bò lai Zebu so tổng đàn</i>	%	>55%
	Đàn lợn	con	220.000
	Đàn gia cầm	con	3.600.000
	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	40.500
3	Lâm nghiệp		
	Trồng rừng tập trung:	ha	6.000-6.500
	Rừng trồng được giao khoán, bảo vệ	ha	45.000

STT	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu KH
	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	50
4	Thủy sản		
4.1	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	37.000
	Trong đó		
	<i>Sản lượng Khai thác thủy sản</i>	<i>Tấn</i>	<i>27.000</i>
	<i>Sản lượng nuôi trồng thủy sản</i>	<i>Tấn</i>	<i>10.000</i>
4.2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	3.500
	Trong đó		
	<i>Diện tích nuôi nước ngọt</i>	<i>ha</i>	<i>2.190</i>
	<i>Diện tích nuôi lợ, mặn</i>	<i>ha</i>	<i>1.310</i>
5	Thủy lợi		
5.1	Vụ Đông - Xuân		
-	Diện tích tưới chủ động	ha	23.095,8
	Trong đó		
	<i>Doanh nghiệp thủy nông</i>	<i>ha</i>	<i>16.556,8</i>
	<i>Các công trình thủy lợi nhỏ</i>	<i>ha</i>	<i>6.539</i>
-	Diện tích ngăn mặn giữ ngọt	ha	7.500
-	Diện tích thoát nước, tiêu úng		13.500
5.2	Vụ Hè - Thu		
-	Diện tích tưới chủ động	ha	21.322,2
	Trong đó		
	<i>Doanh nghiệp thủy nông</i>	<i>ha</i>	<i>16.322,2</i>
	<i>Các công trình thủy lợi nhỏ</i>	<i>ha</i>	<i>5.000</i>
-	Diện tích ngăn mặn giữ ngọt		13.500
II	Phát triển kinh tế nông thôn		
1	Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
-	Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	64-66
-	Số xã đạt chuẩn tăng thêm trong năm 2020	xã	4-6
3	Kinh tế hợp tác		
	Số HTX kiểu mới	HTX	20-30
	Số HTX thành lập mới	HTX	10

BÁO CÁO

Các mô hình, dự án tiêu biểu năm 2019

(Kèm theo Báo cáo Tổng kết ngành Nông nghiệp và PTNT năm 2019, triển khai sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 và nghiệm vụ kế hoạch năm 2020)

Thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; được cụ thể hóa tại Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Ngành Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các chương trình, kế hoạch trọng tâm với nhiều nhiệm vụ và giải pháp để chuyển đổi sản xuất từ mục tiêu số lượng sang chất lượng, đặc biệt xác định việc xây dựng các mô hình điểm, dự án tiêu biểu là giải pháp hiệu quả, quan trọng để cùng với người nông dân thay đổi suy nghĩ, cách làm, tạo chuyển biến sâu rộng từ nhận thức tới hành động nhằm chuyển đổi sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Trên cơ sở xác định Khoa học công nghệ chính là giải pháp đột phá để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là hướng đi tất yếu để xây dựng nền nông nghiệp sạch, hiện đại phát triển bền vững.

Năm 2019, được sự tập trung chỉ đạo của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, ngành Nông nghiệp và PTNT đã chủ động xây dựng Kế hoạch, chương trình công tác trọng tâm của ngành sát đúng với thực tiễn sản xuất, chủ động, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ với các địa phương, các doanh nghiệp triển khai đồng bộ và quyết liệt nhiều giải pháp, nên sản xuất đã có những bước phát triển mới, nhiều mô hình, dự án tiêu biểu đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, thực hiện hiệu quả các mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội. Làm cầu nối cho doanh nghiệp với Hợp tác xã/Tổ hợp tác liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ đem lại hiệu quả kinh tế cao. Kết quả thực hiện các mô hình, dự án tiêu biểu trong nông nghiệp cụ thể như sau:

I. Các loại mô hình và hiệu quả của các mô hình trong năm 2019

1. Các mô hình, dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị

Diễn hình và tiêu biểu là các mô hình, dự án liên kết 04 nhà “Nhà nước, Nhà Doanh nghiệp, Nhà khoa học và Nhà nông” tiếp tục được triển khai rộng hơn, có bài bản hơn và đạt được những kết quả hết sức tích cực, cụ thể:

1.1. Dự án liên kết sản xuất Sâm Bó chính

Từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019. Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục Trồng trọt

án liên kết với Công ty CP nông nghiệp công nghệ cao Tuệ Lâm trồng và tiêu thụ cây sâm bố chính với quy mô 03 ha trên địa bàn xã Gio An - huyện Gio Linh.

Đây là cây trồng mới, lần đầu tiên triển khai trồng trên địa bàn tỉnh trong điều kiện đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt tác động của thời tiết nắng nóng diễn ra liên tục với mức nhiệt kỷ lục trong nhiều tuần (nhiệt độ trên 38°C , có những ngày trên 42°C), tuy nhiên nhờ ứng dụng các biện pháp kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hợp lý, nên mô hình cho kết quả khả quan, đạt năng suất, chất lượng theo dự kiến. Mô hình có lãi bình quân trên 100 triệu đồng/ha, cao hơn các loại cây trồng bản địa từ 50-80%.

Từ kết quả dự án, bước đầu đã nghi nhận được:

- Thứ nhất, dự án đã chứng minh cây sâm Bố chính có khả năng sinh trưởng và phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt nhất; Năng suất, sản lượng cây sâm Bố chính trong vụ trồng 2019 tại xã Gio An, huyện Gio Linh cao gấp 1,5 lần so với các địa phương khác (Tại Quảng Bình, năng suất bình quân từ 3,8-4 tấn/ha);

- Thứ hai, mặc dù sản xuất trong điều kiện có nhiều yếu tố bất lợi về thời tiết. đặc biệt nắng nóng khắc nghiệt, nhưng qua kết quả phân tích của đơn vị thu mua cho thấy củ Sâm Bố chính tại Quảng Trị có chất lượng rất cao, cao hơn các vùng trồng khác, thịt củ săn chắc, có mùi thơm nhẹ... được Công ty Tuệ Lâm đánh giá rất cao. Tỷ lệ củ đạt chất lượng loại 1 trên 30%, với loại này giá bán bình quân 600.000 đ/kg. Đây là một bằng chứng về quan điểm “*biến điều kiện khí hậu khắc nghiệt thành lợi thế phát triển*” trên địa bàn tỉnh.

- Thứ ba, hiệu quả kinh tế thu được từ trồng Sâm bố chính vượt trội so với các loại cây trồng khác trên địa bàn, với năng suất bình quân đạt 60 tạ/ha, nơi cao đạt trên 70 tạ/ha, sau khi đã trừ tất cả các chi phí cho lãi bình quân 118 triệu đồng/ha, cao hơn từ 60%-80% so với các loại cây khác đang trồng tại địa phương (Sắn: Lãi 20-30 triệu/ha; Lạc: Lãi 15-20 triệu/ha; Cao su và Hồ tiêu: giá cao su và hồ tiêu đang ở mức thấp, hiệu quả mang lại không cao...);

1.2. Mô hình thâm canh và phòng trừ sâu bệnh trên cây cam theo hướng hữu cơ.

Với mục tiêu ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học để hoàn thiện Quy trình kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh trên cây Cam ở vùng đồi K4 nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tạo ra sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần phát triển cây Cam trên địa bàn tỉnh theo hướng an toàn, bền vững. Từ năm 2018, thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, Chi cục Trồng trọt và BVTV đã chủ trì triển khai Đề tài “*Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình phát triển cây cam sạch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*”.

Trên cơ sở nghiên cứu sẵn có đã được áp dụng ở nhiều địa phương trong cả nước, Chi cục đã nghiên cứu, điều chỉnh để ứng dụng phù hợp các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào mô hình sản xuất tại địa phương, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả cho người sản xuất cam tại tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: Chỉ bón phân hữu cơ Ong Biển, tưới nước, ứng dụng các biện pháp BVTV sinh học mà không bón bất kỳ các loại phân hóa học và xịt thuốc BVTV hóa học nào khác. Ủ cá bằng chế phẩm QTMic để làm phân cá bổ sung dinh dưỡng cho cây cam. Nghiên cứu lắp đặt hầm ủ phân. Đặt bả sinh học để dẫn dụ nhằm bắt giết chính hủt quả hạn chế tỉ lệ

rụng quả, tăng năng suất, hiệu quả và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Sau hơn 01 năm triển khai, mô hình bước đầu đã mang lại những kết quả tích cực về kinh tế, xã hội và môi trường. Với quy mô 0,7 ha, với việc triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như bón phân hữu cơ Obi – Ong biển, ủ phân cá kết hợp tưới nước theo từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây, kết hợp các biện pháp phòng trừ sâu bệnh an toàn sinh học (hướng dẫn sử dụng chế phẩm từ lá cây, sử dụng bẫy lồng trong phòng trừ ruồi, ngải chích hút quả...) đã làm giảm tỷ lệ các loại dịch hại như sâu vẽ bùa, nhện đỏ, ghê, loét... Do đó mẫu mã quả đẹp, chất lượng quả tăng, đặc biệt đã thiết kế và sử dụng bẫy lồng phù hợp nên đã bắt được hàng trăm con ngải chích hút quả trên vườn cam, làm giảm tỉ lệ rụng quả do bị chích hút từ 15-20%, được đồng đảo bà con trồng cam trên địa bàn vùng K4 tâm đắc, đánh giá cao và chủ động áp dụng làm theo cho vườn cam của gia đình mình.

Qua kết quả theo dõi từ năm 2018 đến nay, cho thấy năng suất vườn mô hình đạt 22 tấn/ha năm 2018, tăng lên 36 tấn/ha vào năm 2019, cao hơn 15-25% so với mô hình đối chứng. Giá bán cao hơn từ 3.000 – 5.000 đồng/kg, hiệu quả kinh tế của mô hình Cam hữu cơ năm 2019 là rất lớn. Sau khi trừ chi phí, ước lợi nhuận đạt 700 triệu đồng/ha, cao hơn vườn đối chứng sản xuất theo truyền thống từ 150-200 triệu đồng/ha. Đây là cơ sở bước đầu để tuyên truyền, áp dụng các giải pháp kỹ thuật canh tác Cam theo hướng hữu cơ trên địa bàn trong thời gian tới.

1.3. Dự án Liên kết với công ty Cổ phần Nafoods Tây Bắc trồng và tiêu thụ chanh leo phục vụ chế biến và xuất khẩu.

Từ nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng NTM, năm 2018 Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao Chi cục Trồng trọt và BVTV đã kết nối với Công ty cổ phần Nafoods Tây Bắc phát triển cây chanh leo với quy mô 12 ha tại 3 xã Hướng Phùng, Tân Liên và Tân Lập huyện Hướng Hóa. Kết quả cho thấy cây chanh leo thích nghi tốt với điều kiện khí hậu đất đai, năng suất trung bình đạt 15 tấn/ha. Cá biệt một số vườn chăm sóc tốt, tuân thủ quy trình thì năng suất lên tới 30 - 45 tấn/ha (hộ Nguyễn Đình Tường – Tân Liên, Văn Ngọc Huy - Hướng Phùng); Theo đánh giá của Công ty cổ phần Nafoods Tây Bắc chất lượng chanh leo trồng tại Hướng Hóa- Quảng Trị rất tốt, đảm bảo tiêu chuẩn để xuất khẩu sang Châu Âu, chanh loại A1, A1 Vip; A2, A2 Vip tỷ lệ đạt từ 40-55% trên tổng lượng quả; Hiệu quả kinh tế mang lại sau khi trừ chi phí hơn 100 triệu đồng/ha.

Với mục đích nghiên cứu, mở rộng vùng trồng chanh leo trên địa bàn, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người nông dân, phân đầu đến năm 2025 toàn tỉnh có khoảng 1.500 - 2.000 ha, đảm bảo vùng nguyên liệu để mở nhà máy chế biến quả, phục vụ xuất khẩu; Năm 2019, Chi cục Trồng trọt và BVTV tiếp tục thực hiện Dự án liên kết với Công ty cổ phần Nafoods Tây Bắc trồng và tiêu thụ chanh leo phục vụ chế biến và xuất khẩu với diện tích 20 ha tại các huyện Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Triệu Phong trong đó có 03 ha mô hình sản xuất chanh leo hữu cơ. Đến nay, các địa phương đã trồng xong, cây chanh leo đang sinh trưởng và phát triển tốt, hứa hẹn cho năng suất cao.

1.3. Mô hình liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ

Năm 2019 là năm thứ 3 thực hiện Biên bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Quảng Trị, Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương với Công ty TNHH sản xuất thương

nghiệp chất lượng cao, an toàn theo hướng hữu cơ. Đến nay, đã có 600 ha gieo trồng lúa được sản xuất trên cơ sở hợp tác liên kết trong việc sản xuất lúa chất lượng cao, an toàn theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh. Mặc dù, gặp nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt tác động điều kiện khí hậu khắc nghiệt, thiên tai dịch bệnh thường xuyên xảy ra, thị trường nông sản biến động, tuy nhiên liên kết sản xuất lúa chất lượng cao, theo hướng hữu cơ, sử dụng công nghệ Obi- Ong biển đã đạt được nhiều kết quả rất phần khởi, mang lại hiệu quả trên cả 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường, giúp nâng cao nhận thức của người nông dân về canh tác theo hướng hữu cơ để trả lại môi trường sinh thái cho đồng ruộng, tạo ra nông sản sạch, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, xây dựng thành công thương hiệu gạo hữu cơ Quảng Trị.

Năm 2019 trên địa bàn tỉnh triển khai gần 200 ha lúa hữu cơ tại các HTX, THT trên địa bàn tỉnh. Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng của thời tiết bất lợi (khô hạn và mưa bão), nhưng năng suất lúa bình quân vẫn đạt 5,2 tấn/ha, sản lượng đạt trên 1.000 tấn đã mang lại lợi nhuận cao cho nông dân. Mô hình đã sử dụng giống lúa mới ST24, là giống lúa nằm ở top 3 gạo ngon thế giới, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu, áp dụng máy cấy do Công ty Đại Nam cải tiến (máy cấy so le, tam giác) vào sản xuất với quy mô 12 ha (HTX Long Hưng xã Hải Phú) góp phần nâng tỷ lệ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp.

Đặc biệt, sau khi thông tin gạo hữu cơ Quảng Trị chứa 2 hợp chất Momilactone A và Momilactone B (MA và MB) có tác dụng chống tiểu đường, gút, béo phì chính thức được công bố, sản lượng gạo hữu cơ Quảng Trị bán ra thị trường đã tăng gấp 3 lần so với trước đó... Sản phẩm đã thâm nhập vào các siêu thị lớn trong cả nước như 7Eleven, US Mart, Queensland..., tham gia gian hàng thương mại tại một số nước như Trung Quốc, Thái Lan và nhận đơn hàng từ Mỹ, Qatar, Hongkong, Nhật Bản... Điều này, đã giúp thương hiệu gạo hữu cơ Quảng Trị đủ sức vươn tầm quốc tế.

Hiện nay Công ty CP nông sản hữu cơ Quảng Trị đang xúc tiến hoàn thiện nhà máy chế nông sản với công suất 300 tấn/ngày đêm, quy mô 50 ha tại Hải Lăng; mời tổ chức Union Control, khảo sát chứng nhận 90 ha lúa đạt chuẩn hữu cơ của Bộ nông nghiệp Mỹ và chuẩn EC, đề xuất chủ trương xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo tại khu công nghiệp Nam Đông Hà... là những cơ sở để mở rộng diện tích liên kết sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

1.4. Mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn)

Triển khai 06 mô hình ương tôm (theo quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn) tại các địa phương: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và TP Đông Hà, với mức hỗ trợ sau đầu tư 400 triệu /Mô hình về cơ sở hạ tầng như ao, bể gièo, hệ thống mái che và sục khí theo Nghị quyết 03-HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cây trồng, con nuôi chủ lực. Các chủ thể tham gia mô hình đã thực hiện cải tạo ao ương (bể ương), ao nuôi, ao xử lý nước,...phù hợp với quy trình nuôi.

Giai đoạn : Tôm giống được thả vào trong ao ương (bể ương) có diện tích từ 100 – 500 m² với mật độ từ 1.000 con – 3.000 con/m². Ao ương với diện tích nhỏ, môi trường ao được kiểm soát chặt chẽ hơn, tránh tác động của thời tiết và các yếu tố bên ngoài nên ít dịch bệnh, tôm phát triển khỏe mạnh, tỷ lệ tôm sống cao; công tác xử lý ao cũng tốn ít chi phí hơn.

Giai đoạn 2: Sau 20 - 25 ngày tôm được thả ra ao nuôi ngoài trời giai đoạn 2

với mật độ 200 - 300 con/m². Qua 3 tháng nuôi, tôm đạt cỡ 40 - 60 con/kg, giúp giảm FCR đạt 1,1 - 1,3. Như vậy, đã tiết kiệm thời gian nuôi và tăng được 3 - 4 vụ/năm.

Qua quá trình triển khai thực hiện, các mô hình đều đem lại hiệu quả kinh tế cao, sản lượng bình quân đạt từ 20 - 25 tấn/ha, doanh thu 3 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân 500 triệu - 1,1 tỷ đồng/ha.

1.5. Các dự án nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao

Từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM Sở giao Chi cục Thủy sản làm chủ đầu tư triển khai 2 dự án gồm: “Nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao trong nhà kính” cho 01 cơ sở nuôi tôm tại xã Vĩnh Thái - huyện Vĩnh Linh và dự án “Nuôi tôm thẻ chân trắng bể nổi tròn trong nhà lưới” tại xã Triệu Lăng - huyện Triệu Phong. 2 dự án đã hoàn thành các hạng mục xây dựng và đã thả giống tôm thẻ chân trắng vào tháng 9/2019.

Hiện nay tôm sinh trưởng và phát triển tốt. Dự kiến đến cuối tháng 12, sản lượng thu hoạch: 35 tấn/6.000 m² (đối với dự án “Nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao trong nhà kính”) và sản lượng thu hoạch: 8,75 tấn/1.500 m² (đối với dự án “Nuôi tôm thẻ chân trắng bể nổi tròn trong nhà lưới”), năng suất trung bình đạt 50-58 tấn/ha, doanh thu bình quân đạt 7,5 tỷ đồng/ha, lợi nhuận bình quân 2- 2,5 tỷ đồng/ha.

2. Các mô hình khuyến nông và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật khác.

Các mô hình khuyến nông là nơi để người dân tiếp nhận các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp, là nơi người dân thảo luận, trao đổi, học tập kinh nghiệm sản xuất lẫn nhau để nâng cao kiến thức và kỹ năng sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị các mặt hàng nông sản. Năm 2019, nhiều mô hình khuyến nông triển khai trên địa bàn đã mang lại những kết quả tích cực, giúp người dân có phương thức và định hướng sản xuất mới. Cụ thể:

- *MH sản xuất lúa theo hướng hữu cơ sử dụng giống lúa mới năng suất, chất lượng cao*, quy mô 40 ha, thực hiện tại 3 huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong. Ruộng mô hình sử dụng phân hữu cơ vi sinh và khoáng Quế Lâm, kết hợp với phân chuồng đã được ủ hoai mục và vôi, do vậy đất đai được cải tạo tốt hơn, cây lúa phát triển cân đối, cứng cây, khỏe mạnh ít bị sâu bệnh, môi trường sạch sẽ, nông sản an toàn, hiệu quả cao. MH đã mang lại hiệu quả thiết thực, năng suất ruộng mô hình vụ ĐX đạt 60 tạ/ha cao hơn ruộng lúa đại trà 3-4 tạ/ha; vụ HT đạt 50-54 tạ/ha. Lợi nhuận đạt từ 15-22 triệu đồng/ha. Thông qua mô hình đã nâng cao nhận thức, thay đổi phương thức canh tác của người dân, đặc biệt là hạn chế sử dụng phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học sang sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, bền vững đảm bảo sản phẩm an toàn, góp phần bảo vệ môi trường, hệ sinh thái đồng ruộng.

- *MH thâm canh cây cam đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm (dự án TW)*: Quy mô 3 ha, giống cam xã Đoài lòng vàng, thực hiện tại Gio Bình, Gio Linh. Đây là mô hình chăm sóc cam đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sử dụng phân bón vi sinh, phân khoáng chuyên dùng, phân chuồng hoai mục đã xử lý và các chế phẩm có nguồn gốc thực vật... Vườn cây được quản lý và chăm sóc theo quy trình kỹ thuật, bón phân cân đối nên cây cam sinh trưởng phát triển khá tốt, phù hợp với đất

hình 3,0 ha đạt gần 449 triệu đồng, so với các cây trồng khác trên cùng chân đất như cao su và cây keo lá tràm thì mô hình trồng cam có lợi nhuận gấp 2,5-3 lần. Mô hình năm đầu tiên cho thu hoạch nhưng mang lại hiệu quả kinh tế khá cao, sẽ triển vọng hơn trong những năm tới.

- *Chương trình cải tạo đàn bò* hiện đã phối được 8.384 con/10.000 con bò theo kế hoạch năm 2019. Kết quả phối giống cho thấy tỷ lệ phối giống bằng TTNT đạt từ 90-95%. Bò lai sinh ra ngoại hình đẹp, sinh trưởng phát triển nhanh, ưu thế lai nổi trội, khối lượng sơ sinh trung bình từ 22-28 kg/con, tăng trọng bình quân 12-15 kg/con/tháng, đến 6 tháng tuổi đạt trọng lượng trung bình trên 100 kg. Với giá bán bò lúc 6 tháng tuổi khoảng 6-8 triệu đồng, bò 1 năm có giá khoảng 10-14 triệu đồng. Giá bán bò lai cao hơn bò nội từ 2 đến 3 triệu đồng. Như vậy, ước tính một năm có khoảng trên 9.500 bê lai ra đời từ chương trình cải tạo đàn bò đã mang về lợi nhuận cao hơn nuôi bò nội cho nông dân toàn tỉnh từ hơn 20 tỷ đồng/năm.

- *MH nuôi vịt thịt giống mới (vịt biển)*, quy mô 3.300 con/11 hộ, thực hiện tại huyện Triệu Phong. Vịt nuôi có tỷ lệ sống cao trên 96%, tăng trọng tốt, sau 60 ngày nuôi vịt đạt trọng lượng bình quân 2,7 kg/con, lợi nhuận thu được hơn 40 triệu đồng/3.300 con, giống Vịt Biển 15 (Đại Xuyên) nuôi thịt tại tỉnh Quảng Trị trong điều kiện nông hộ có khả năng thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên, tìm kiếm và thu nhận thức ăn tốt, tăng trọng nhanh, chất lượng thịt thơm ngon phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

- *MH nuôi tôm kết hợp cá đìa và cua*, quy mô 0,4 ha, thực hiện tại Gio Linh đây là hình thức nuôi kết hợp mang lại hiệu quả cao, nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, duy trì tính ổn định của vùng nuôi, hạn chế rủi ro do dịch bệnh gây ra, tạo hướng đi mới cho nghề nuôi trồng thủy sản, là một giải pháp tốt và an toàn cho các ao nuôi kém hiệu quả vùng thấp triều. Kết quả mô hình đạt được sau 3 tháng nuôi lợi nhuận thu được 30-35 triệu đồng (75-88 triệu đồng/ha).

- *MH nuôi cá leo trong ao*, quy mô 0,2 ha: Cá leo là một trong những đối tượng nuôi mới, mô hình lần đầu tiên được thực hiện tại Quảng Trị nuôi theo hướng thâm canh. Mô hình tạo nên sự đa dạng về đối tượng nuôi nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay. Mô hình đã mang lại được hiệu quả thiết thực cho người nuôi. Cá sinh trưởng, phát triển tốt, ít dịch bệnh. Sau 6 tháng thả nuôi, với giá bán 80.000 đ/kg, lợi nhuận thu được là hơn 150 triệu đồng/ha. MH mang lại hiệu quả kinh tế cao giúp cho bà con nông dân mạnh dạn đầu tư, phát triển nghề nuôi cá, góp phần đẩy mạnh phong trào nuôi cá tại địa phương.

- *MH nuôi tôm thâm canh 2 giai đoạn theo công nghệ Biofloc* (NS tỉnh và TW), quy mô 2,25 ha, thực hiện tại các huyện Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng: Ưu điểm của mô hình là hạn chế dịch bệnh, đặc biệt là hội chứng chết sớm trên tôm (Hội chứng EMS thường xảy ra trong 20 ngày đầu của quá trình nuôi), thời gian nuôi rút ngắn, phát triển nhanh, không sử dụng hóa chất và kháng sinh, chi phí sản xuất thấp. Qua kết quả đạt được cho thấy hiệu quả kinh tế từ mô hình nuôi hai giai đoạn sử dụng chế phẩm vi sinh rất rõ rệt, đặc biệt là đưa ra sản phẩm sạch, an toàn. Sau 3 tháng nuôi lợi nhuận thu được từ 368-450 triệu đồng/ha. Đối với ao ương áp dụng quy trình Biofloc thì lượng thức ăn tiêu tốn ít hơn dẫn đến lượng chất thải ra ao ít hạn chế ô nhiễm môi trường nước. Từ đó khi chuyển qua giai đoạn nuôi, chất lượng con giống tốt, giảm được rủi ro về dịch bệnh, tăng năng suất, tăng chất

lượng sản phẩm.

- *Mô hình xây dựng vùng không nhiễm sinh vật gây hại, an toàn thực phẩm, sản xuất theo hướng hữu cơ trên cây hồ tiêu.*

Nhằm nâng cao trình độ cũng như thay đổi phương thức canh tác hồ tiêu của bà con nông dân, thúc đẩy phát triển sản xuất hồ tiêu trên địa bàn theo hướng hữu cơ góp phần nâng cao giá trị gia tăng, đưa sản phẩm hồ tiêu vào các thị trường tiềm năng, qua đó mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho bà con nông dân; Năm 2019, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đã xây dựng vùng không nhiễm sinh vật gây hại và an toàn thực phẩm, sản xuất theo hướng hữu cơ trên cây hồ tiêu.

Mô hình được thực hiện tại xã Gio An, huyện Gio Linh, quy mô 62,2 ha với sự tham gia của 132 hộ dân. Nội dung thực hiện chú trọng vào thay đổi chế độ phân bón và xử lý phòng bệnh. Theo đó, các vườn tiêu trong mô hình chú trọng bón phân chuồng đã ủ hoai mục (16 tấn/ha), sử dụng chế phẩm Trichoderma để ủ phân với lượng 50g/m³ và xử lý phòng bệnh bằng cách tưới chế phẩm Trico-DHCT quanh gốc 2 lần/năm với lượng 10g/lần/gốc.

Kết quả đạt được: Mức độ gây hại của các bệnh chết chậm, chết nhanh, thán thư, đốm lá và tuyến trùng: Trên vườn sản xuất theo hướng hữu cơ thấp hơn vườn canh tác theo tập quán của người dân từ 50-70%.

Năng suất: Năng suất hồ tiêu vườn sản xuất theo hướng hữu cơ tương đương vườn canh tác theo tập quán của người dân (Trung bình 12,8 tạ/ha), nhưng hiệu quả kinh tế vườn sản xuất theo hướng hữu cơ cao hơn 40-50% do giá bán cao hơn sản phẩm tiêu truyền thống từ 15.000-20.000 đồng/kg.

Xây dựng và hình thành, nhân rộng vùng sản xuất Hồ tiêu không nhiễm sinh vật gây hại, sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn thực phẩm, gắn hiệu quả kinh tế với bảo vệ môi trường.

II. Thuận lợi, khó khăn và tồn tại hạn chế

1. Thuận lợi:

- Tiềm năng đất đai, lao động dồi dào, nhiều vùng sinh thái phù hợp để xây dựng và nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng KH-CN vào sản xuất;
- Tình xác định tái cơ cấu nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của hệ thống chính trị. Do đó, đã và đang tập trung nhiều nguồn lực, huy động lòng ghép các nguồn vốn khác nhau để phát triển, cơ cấu lại nông nghiệp phù hợp với tiềm năng, lợi thế, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh;
- Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm đến công tác xúc tiến đầu tư, thu hút các Doanh nghiệp/Tập đoàn lớn để khảo sát và đầu tư, liên kết sản xuất nông nghiệp, đặc biệt nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh;
- HĐND, UBND tỉnh và các địa phương đã ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đầu tư phát triển các mô hình nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn.

2. Khó khăn:

- Điều kiện khí hậu thời tiết khắc nghiệt, tiềm ẩn nhiều rủi ro do thiên tai gây ra (lốc tố, gió bão...). làm thiệt hại lớn đến cơ sở vật chất, năng suất, sản lượng nông sản trên địa bàn;
- Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến bất thường; nhiều dịch bệnh mới

tập, ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân.

- Cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn tuy được đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; vai trò của hợp tác xã và kinh tế trang trại chưa được phát huy mạnh mẽ, chưa thể hiện được vai trò chủ đạo thúc đẩy phát triển nông nghiệp

- Vốn đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao lớn, trong khi Quảng Trị là tỉnh nghèo nên chính sách hỗ trợ còn hạn chế, hoạt động đầu tư chưa được tập trung; nguồn vốn đầu tư còn ít, các mô hình sản xuất hiệu quả chưa được đầu tư nguồn kinh phí để nhân rộng. Thị trường nông sản thiếu ổn định, rủi ro cao; liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn thiếu và yếu nên nhiều hộ nông dân, đặc biệt Doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng KHCN, đặc biệt công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

3. Tồn tại, hạn chế

- Sản xuất phần lớn vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, mang tính mô hình, quy mô chưa tập trung;

- Quá trình dồn điền đổi thửa, tích tụ dồn ghép ruộng đất còn rất hạn chế, công tác tuyên truyền vận động chủ trương dồn ghép, tích tụ ruộng đất chưa được thực hiện bài bản, quyết liệt tại các địa phương;

- Kiến thức về khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao của người dân còn hạn chế, do đó năng suất, chất lượng sản phẩm chưa cao;

- Nhiều sản phẩm chưa đáp ứng tiêu chuẩn chứng nhận VSATTP, GAP..., không đủ điều kiện để đưa vào tại các cửa hàng, siêu thị (tem, nhãn, chứng nhận VSATTP, GAP..., truy xuất nguồn gốc...);

- Việc tìm kiếm, áp dụng công nghệ vào sản xuất vẫn còn lúng túng, chưa xác định được mô hình chuẩn, mô hình điển hình cho từng vùng sinh thái để nhân rộng và phát triển.

- Một số địa phương chưa thực sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cũng như công tác xã hội hóa trong thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp mới.

- Việc xây dựng mô hình ở nhiều địa phương còn dàn trải, chưa thực sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, chưa xác định được dòng sản phẩm chủ lực của địa phương. Bên cạnh đó, việc chủ động tìm kiếm đầu ra, kết nối thị trường còn hạn chế do đó nhiều mô hình chưa có đầu ra ổn định.

III. Kết luận:

Có thể khẳng định các mô hình, dự án tiêu biểu đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, thực hiện hiệu quả các mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội. Làm cầu nối cho doanh nghiệp với Hợp tác xã/Tổ hợp tác liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ đem lại hiệu quả kinh tế cao, bền vững trên cả 03 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường là:

Mô hình liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ; Mô hình liên kết sản xuất trồng cây dược liệu (cà gai leo, cao lá vàng, sâm bố chính); Mô hình liên kết sản xuất trồng cây ăn quả theo hướng hữu cơ (cam K4); Chăn nuôi bò thâm canh theo hướng chuyên thịt, Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng để nuôi tôm theo 02 giai đoạn, mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao; mô hình chuyên hóa từng vùng cổ lớn

IV. Kiến nghị, đề xuất:

1. Đối với UBND tỉnh:

- Ưu tiên các nguồn lực để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, liên kết sản xuất thành công trong nông nghiệp, nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân.
- Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư khởi nghiệp từ nông nghiệp nhất là các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về thuế kinh doanh, xuất/nhập khẩu các sản phẩm nông sản; tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các Doanh nghiệp vào đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với các địa phương, ban ngành, đoàn thể.

- Tổ chức hội nghị sơ kết các mô hình sản xuất nông nghiệp các năm qua, đặc biệt là các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để đánh giá, nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường; đề xuất cơ chế hỗ trợ và nhân rộng nhanh, mở rộng quy mô sản xuất trên địa bàn.
- Chủ động rà soát lại quy hoạch các vùng trồng cây con chủ lực, đánh giá hiện trạng, khuyến cáo nông dân phát triển cây trồng chủ lực theo đúng quy hoạch. Đồng thời, chủ động rà soát quỹ đất, dành quỹ đất sạch để xây dựng phương án mời gọi các Doanh nghiệp/Nhà đầu tư vào đầu tư trên lĩnh vực nông nghiệp, nhất là nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện trong công tác chỉ đạo sản xuất, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; lồng ghép các nguồn vốn đầu tư nhằm xây dựng các mô hình và thúc đẩy sản xuất có hiệu quả, bền vững cho các sản phẩm đặc sản, có lợi thế cạnh tranh của địa phương. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài nguyên và Môi trường;
- Liên minh HTX, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội CCB tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn;
- Các Phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Hòe